

Bản án số: **03/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 22-02-2019

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Dũ**.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Việt**
2. Ông **Ngô Văn Lầu**
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trung An**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 22 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2018/TLST-HNGĐ ngày 23/01/2018 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 06/2019/QĐST-DS ngày 23/01/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **NĐ**, sinh năm 1982. Địa chỉ: ình Sóc Trăng (có mặt)
- Bị đơn: Ông **BĐ**, sinh năm 1950. Địa chỉ: Đài Loan (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà **NĐ trình bày:**

Vào năm 2000 qua môi giới hôn nhân, bà **NĐ** có quen biết với ông **BĐ**. Sau thời gian tìm hiểu thì đến năm 2001 hai người quyết định tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 697/TPHT 2001, quyển số 04, ngày 27/12/2001. Sau khi kết hôn thì ông **BĐ** ở Việt Nam cùng bà và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Cùng năm 2001 ông **BĐ** làm thủ tục bảo lãnh bà sang Đài Loan và bà phỏng vấn đạt nên cùng ông **BĐ** sang Đài Loan sinh sống đoàn tụ gia đình. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng cũng hạnh phúc, ông **BĐ** hơn một năm cũng cho bà về Việt Nam thăm gia đình. Nhưng càng về sau cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Ông **BĐ** thường uống rượu say rồi về đánh đập bà, không cho bà ra khỏi nhà hay làm công việc gì ở ngoài, ở bên nhà chồng cũng khó khăn, hà khắc với bà. Mâu thuẫn về tính cách, quan điểm sống, ngôn ngữ cứ âm ỉ kéo dài khiến cuộc sống hôn nhân của bà không hạnh phúc. Bà cũng đã cố gắng nhẫn nhịn, nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống ngột ngạt khiến bà không thể chịu đựng và đến năm 2006 bà đã trốn về Việt Nam và từ đó đến nay giữa hai bên không còn bất kỳ liên lạc, quan tâm gì đến nhau và cũng không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Nay nhận thấy mục đích

hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc với ông BĐ không đạt được, hai bên đã không còn chung sống từ năm 2006, không còn liên lạc, tình cảm vợ chồng đã không còn, quan hệ hôn nhân chỉ ràng buộc nhau về mặt pháp lý. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông BĐ.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà cũng không yêu cầu ông BĐ phải trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn cho bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 05/01/2018 của nguyên đơn bà NĐ yêu cầu được ly hôn với ông BĐ; về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn không có nên không yêu cầu giải quyết; Tòa án thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết “Ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; trong vụ án có đương sự ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông BĐ là người Trung Quốc và sinh sống tại Đài Loan, có địa chỉ rõ ràng. Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã lập hồ sơ ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho ông BĐ vào ngày 17/05/2018 và Bộ Tư pháp đã có văn bản số 2293/BTP-PLQT, ngày 19/09/2018 thông báo đã chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan. Đến ngày 23/11/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng có gửi công văn số 443/2018/CV-TA đề nghị Bộ Tư pháp thông báo về kết quả thực hiện ủy thác tư pháp đối với ông BĐ. Tuy nhiên, đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trả lời của Bộ Tư pháp. Tại phiên tòa hôm nay, NĐ yêu cầu giải quyết vắng mặt ông BĐ. Nhận thấy, đây là phiên tòa mở lần thứ hai và ông BĐ vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào khoản 4, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông BĐ.

* Về nội dung:

[3] Qua môi giới hôn nhân, bà NĐ có quen biết với ông BĐ. Sau thời gian tìm hiểu NĐ và ông BĐ tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 697/TPHT 2001, quyển số 04, ngày 27/12/2001. Sau khi kết hôn thì ông BĐ có làm thủ tục bảo lãnh bà sang Đài Loan chung sống. Năm 2001 bà cùng ông BĐ sang Đài Loan đoàn tụ gia đình, thời gian đầu ông bà chung sống với nhau rất hạnh phúc. Nhưng càng về sau cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn về tính cách, quan điểm sống, ngôn ngữ cứ âm ỉ kéo dài khiến cuộc sống hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Năm 2006 NĐ trở về Việt Nam sinh sống, từ đó cả hai không còn liên lạc với nhau nữa, không quan tâm gì đến nhau và cũng không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng giữa hai người không thể hòa hợp, tình cảm giữa hai bên đã không còn, quan hệ hôn nhân chỉ ràng buộc nhau về mặt

pháp lý, nếu kéo dài cũng làm tổn thương nhau, không thể hàn gắn để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Hơn nữa, hiện nay ông BD ở Đài Loan, còn ND ở Việt Nam, hai bên không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau và không thể hàn gắn để đoàn tụ gia đình. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ND xin được ly hôn với ông BD là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận và đồng ý cho bà ND được ly hôn với ông BD.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: không có, các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: bà ND phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 470, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà ND

1/- Về quan hệ hôn nhân: Bà ND và ông BD được ly hôn.

2/- Về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn khi ly hôn: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3/- Án phí hôn nhân sơ thẩm: bà ND phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001552 ngày 23/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà ND đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 479 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã G;
- Lưu HSV/A-TDS.

T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Dũ